

Số: 5483253

|                                            | Kia New Sorento 2.2D Signature<br>FWD (Tùy chọn màu nội thất) | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION<br>GT |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.369.000.000đ</b>                                         | <b>1.289.000.000đ</b>            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                               |                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4815 x 1900 x 1700                                            | 4687 x 1850 x 1510               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                                          | 2787                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                                          |                                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                                           | 189                              |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                                           | 536                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                            | 52                               |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                             | 5                                |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                              | SX-LR trong nước                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                               |                                  |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                              | 1,6T PureTech                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                                          | 1598                             |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                                                      | 218 / 5500                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750                                                 | 300 / 2000                       |
| Hộp số                                     | 8-DCT                                                         | 8AT                              |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước                                                     | Cầu trước (FWD)                  |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                                     | Độc lập Mc Pherson               |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                              | Bán Độc Lập                      |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                           | Đĩa                              |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                           | Đĩa                              |
| Thông số lốp xe                            | 255/45 R20                                                    | 245/40 R20                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.5                                                           | 10.09                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.2                                                           | 6.64                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6                                                             | 7.93                             |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                                       | Eco/Normal/Sport                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                               |                                  |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                                 | Matrix LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                             | ●                                |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                             | ● (Phân vùng ánh sáng)           |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                             | ●                                |
| Đèn sương mù                               | LED                                                           | -                                |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                           | Nhận diện phiên bản GT           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                             | ●                                |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                             | ●                                |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                               |                                  |
| Vô lăng bọc da                             | ● + sưỡi                                                      | ● (Phong cách GT)                |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                            | Da Nappa                         |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                             | ●                                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                             | ●                                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                             | ●                                |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ● (+ sưỡi hàng ghế 2, vô lăng)                                | -                                |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                                             | ●                                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                                             | ●                                |

|                                    |                        |              |
|------------------------------------|------------------------|--------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3"                  | Digital 10   |
| Màn hình HUD                       | ●                      | -            |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 12.3                   | Digital 10   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                      | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                      | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | Tự động 2 vùng độc lập | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                      | ●            |
| Chìa khóa thông minh               | ●                      | ●            |
| Khởi động nút bấm                  | ●                      | ●            |
| Khởi động từ xa                    | ●                      | -            |
| Hệ thống âm thanh                  | 12 loa Bose            | 10 loa Focal |
| Lấy chuyển số                      | ●                      | ●            |
| Sạc không dây Qi                   | ●                      | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                      | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                      | -            |
| Đèn trang trí nội thất             | ●                      | ●            |
| Rèm che nắng                       | ●                      | -            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                      | ●            |

#### AN TOÀN:

|                                                 |                                                      |             |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6                                                    | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                                    | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                                    |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                                    |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau                                          | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù)         | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm)                           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● FCA 2.0                                            | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                                                    | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                                    | ●           |
| Camera lùi                                      | Camera 360                                           | ● (360)     |
| Khác                                            | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |             |